TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1938/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 579/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tri Thụy Hồng N, sinh năm 1977; Địa chỉ: TWA-05-1B Chung cư Lê Thành, 198A đường A, Khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Liu Ch, sinh năm 1973; Quốc tịch: Trung Quốc; Địa chỉ: 191 đường E, thanh phố F, tỉnh M, Trung Quốc.

Người phiên dịch: Bà Võ Thị Tường V, sinh năm 1986; Địa chỉ: 8/57 Lý Nam Đ, HL, Thành phố H, tỉnh TTH; Địa chỉ tạm trú: 24/12/20 Nguyên Hồng, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, 81, 82, 83, 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa:

Bà Nguyễn Tri Thụy Hồng N, sinh năm 1977; Địa chỉ: TWA-05-1B Chung cư Lê Thành, 198A đường A, Khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và Ông Liu Ch, sinh năm 1973; Quốc tịch: Trung Quốc; Địa chỉ: 191 đường E, thanh phố F, tỉnh M, Trung Quốc.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tri Thụy Hồng N và ông Liu Ch thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12-00170 NDPWS07 cấp ngày 07/03/2012 tại Thành phố K, tỉnh AC, Nhật Bản đã được ghi vào sổ hộ tịch việc ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Tri Thụy Hồng N và ông Liu Ch không còn giá trị pháp lý.

2.2 Con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung là trẻ Lưu K, sinh ngày 20/07/2010.

Giao hai con chung là trẻ Lưu K, sinh ngày 20/07/2010 cho bà Nguyễn Tri Thụy Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi con đã thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Liu Ch cho đến khi bà N có yêu cầu.

Ông Liu Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Liu Ch nếu ông Liu Ch lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

2.4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Tri Thụy Hồng N tự nguyện chịu số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, được khấu trừ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024736 ngày 17/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn cho bà Nguyễn Tri Thụy Hồng N số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND quận Y, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Kim Khánh